CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt

Ngày 31/12/2025	16,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	-9.0%

DT thuần
Q4/25
168
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.0| 12.1%
YoY: ▲ 104| 162%

LN thuần
Q4/25
98.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 54.0| 120%
YoY: ▲ 82.2| 492%

LN sau thuế
Q4/25
79.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 44.9| 129%
YoY: ▲ 66.9| 519%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
56.2%
YoY: +/-▲ 10.7%

ROE
2025
16.9%
YoY: +/-▲ 7.5%

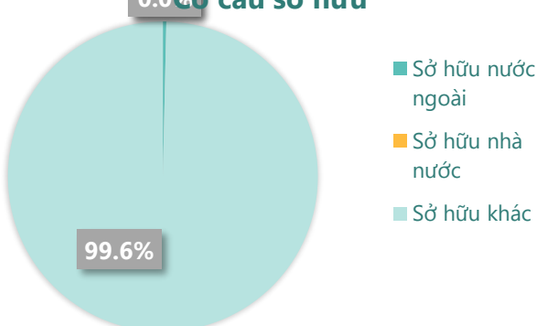
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,825 - 23,392
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,074
Số lượng CPLH (CP)	66,686,055
KLGD BQ 20 phiên (CP)	180,820
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	1.53
EPS	3,787
P/E	4.3

DT thuần
2025
825
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 330| 66.7%

LN thuần
2025
463
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 243| 110%

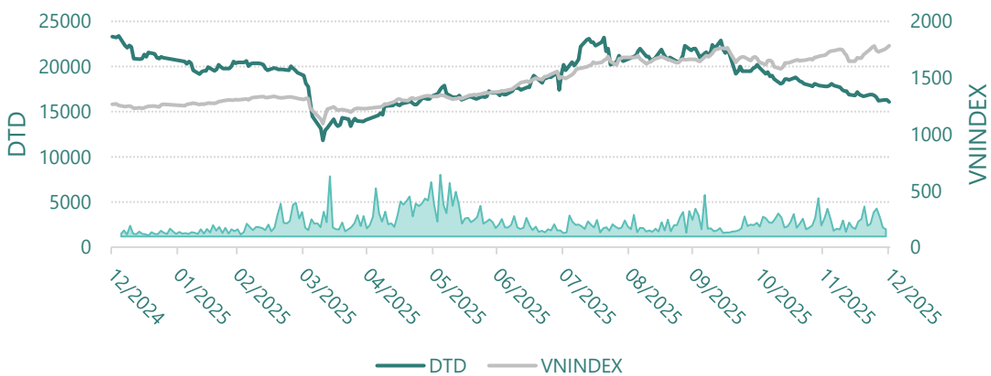
LN sau thuế
2025
368
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 192| 109%

Cơ cấu sở hữu

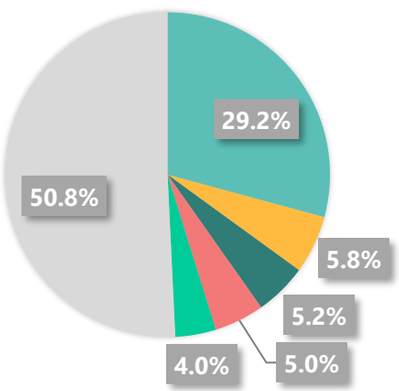


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

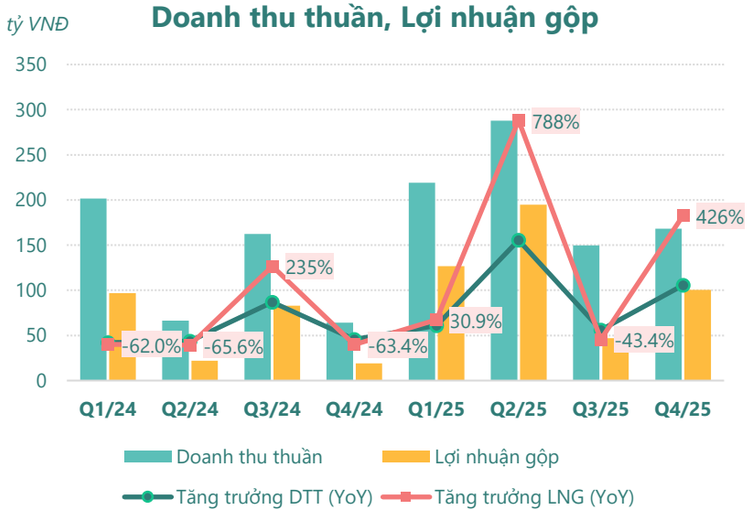


- Nguyễn Huy Cương (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thanh Tâm
- Nguyễn Quang Trí (Phó Tổng giám đốc)
- Phillip Securities (Thailand) Public Company Limited
- Nguyễn Thị Kim Chung
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

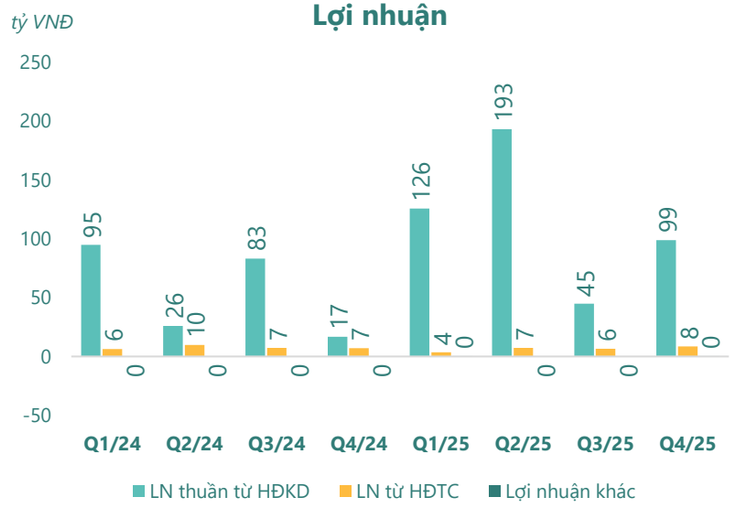
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



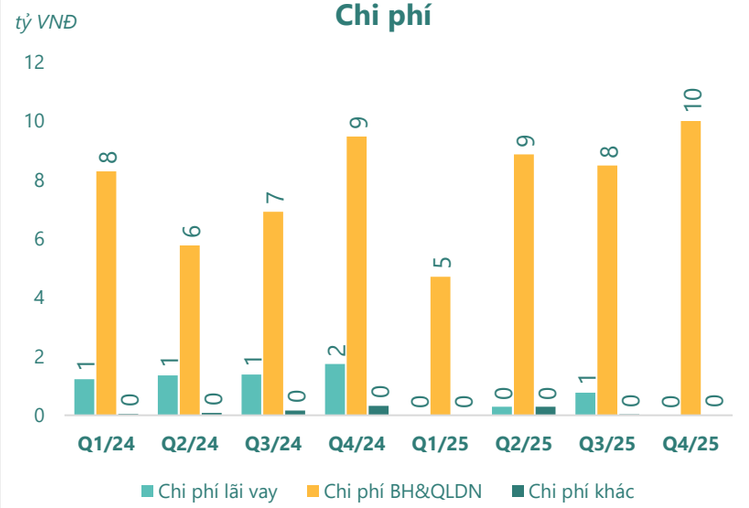
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



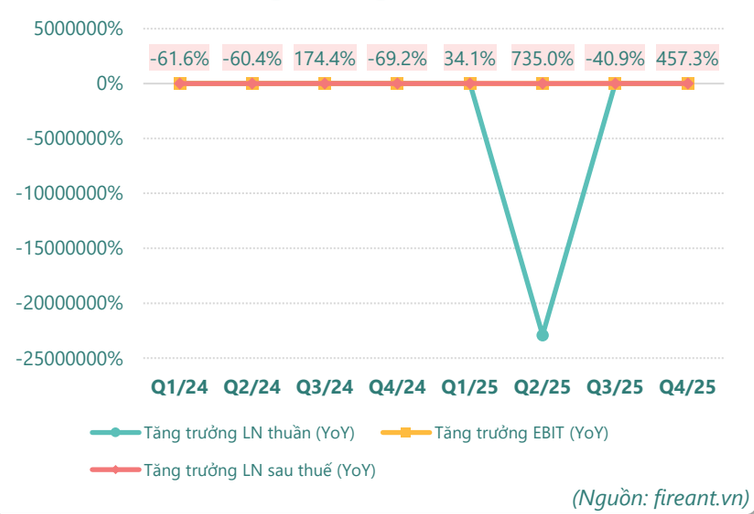
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



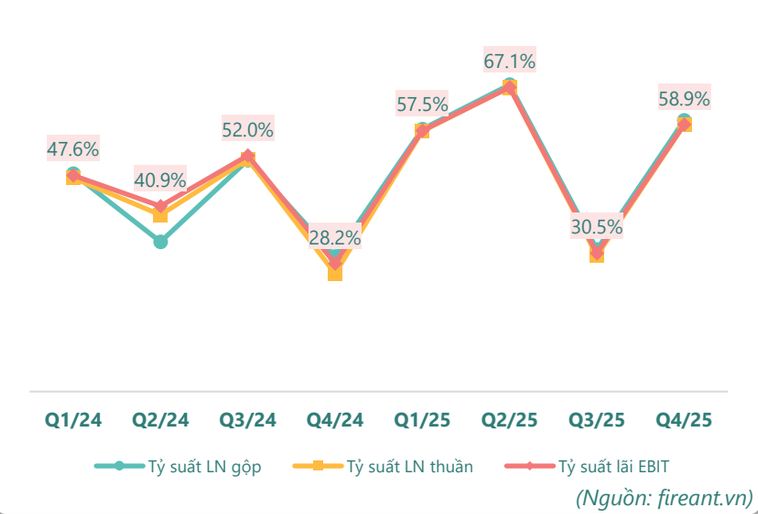
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



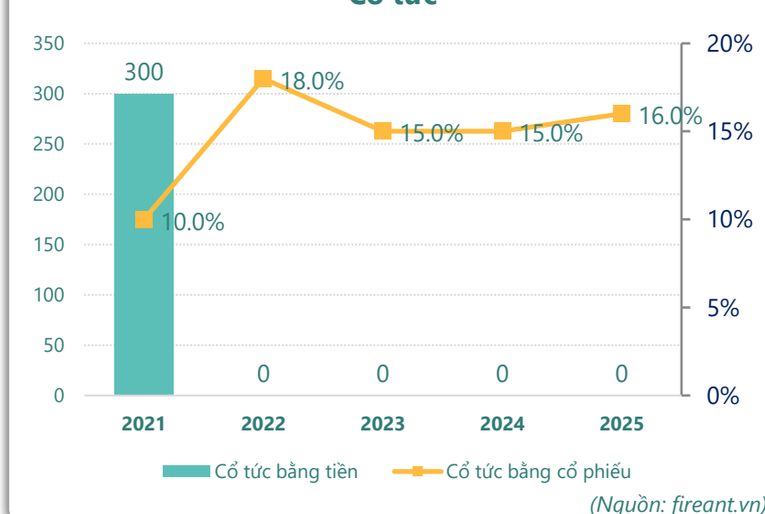
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

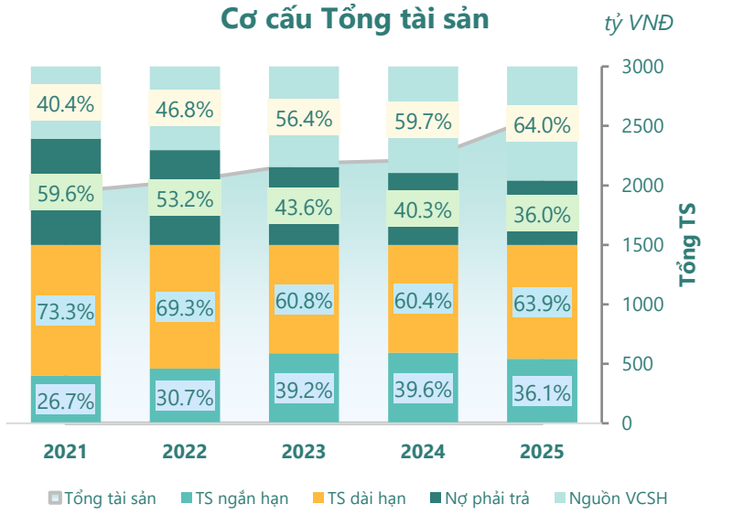
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

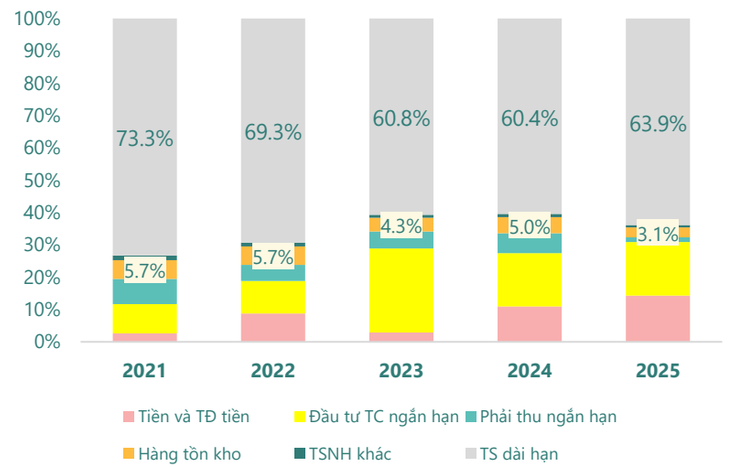
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



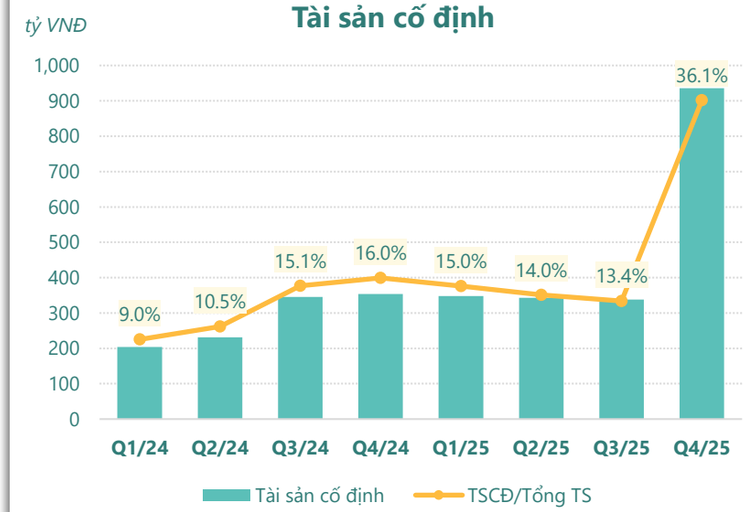
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



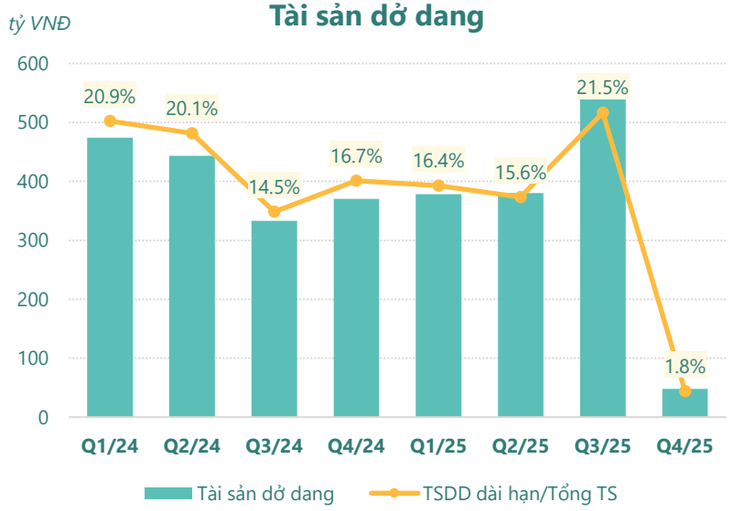
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



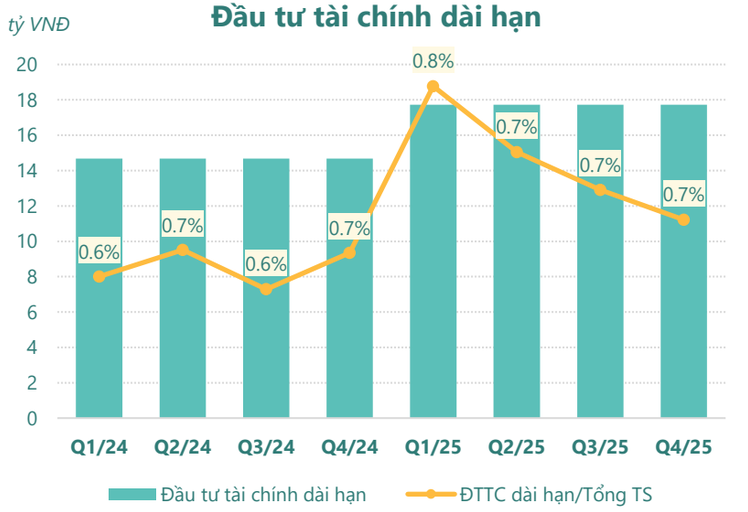
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



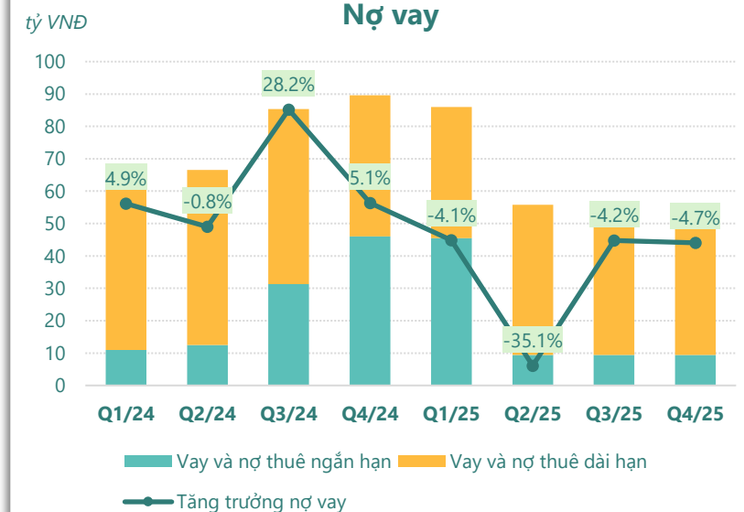
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

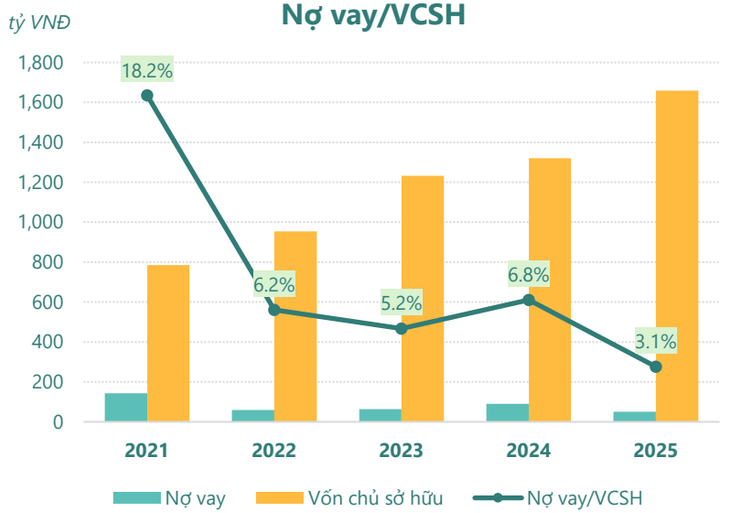
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

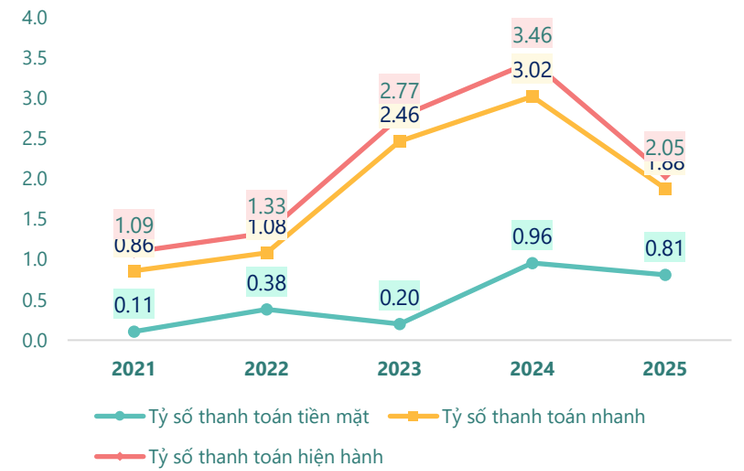
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



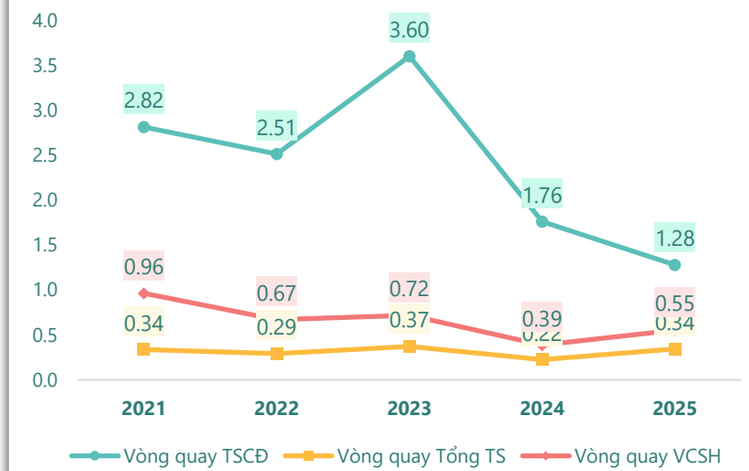
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



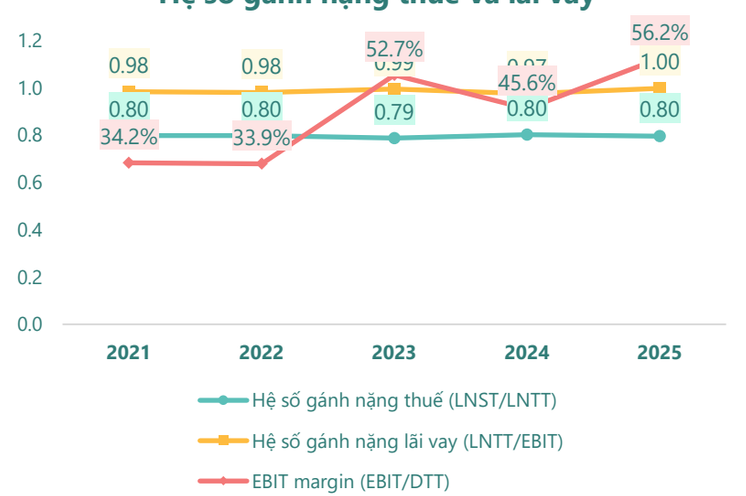
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



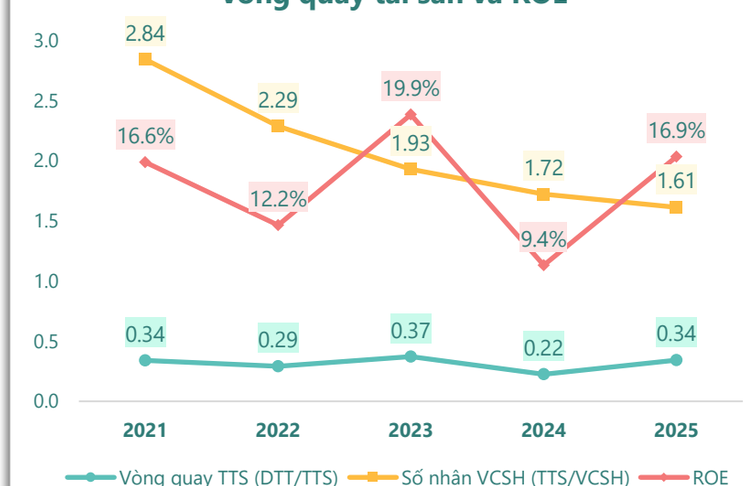
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



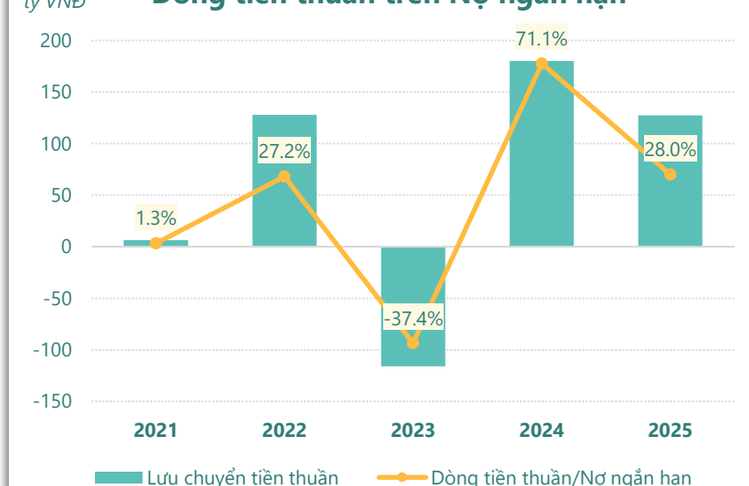
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**168**	**64.1**	**162%**	**825**	**495**	**66.7%**
Giá vốn hàng bán	67.6	45.0	50.3%	356	276	28.9%
Lợi nhuận gộp	100	19.1	426%	469	219	114%
Doanh thu HĐTC	10.6	8.80	20.1%	30.7	36.2	-15.0%
Chi phí TC	2.14	1.74	23.1%	4.85	5.71	-15.0%
Chi phí lãi vay	0	1.74	-100%	1.06	5.65	-81.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**3.05**	**-100%**
Chi phí bán hàng	1.83	0.79	132%	8.12	3.70	119%
Chi phí QLDN	**8.18**	**8.70**	**-6.0%**	**24.0**	**28.1**	**-14.6%**
LN thuần từ HĐKD	98.9	16.7	492%	463	220	110%
Lợi nhuận khác	**0.07**	**-0.32**	**120%**	**-0.03**	**-0.61**	**94.8%**
LN trước thuế	99.0	16.3	507%	463	220	111%
Lợi nhuận sau thuế	**79.8**	**12.9**	**519%**	**368**	**176**	**109%**
LNST của CĐ cty mẹ	**54.2**	**11.0**	**393%**	**253**	**120**	**110%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	35.2	48.9	120	214	365	76.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-27.5	170	-138	-106	-388	51.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	18.7	-81.0	-3.68	-31.8	-18.3	-14.0
Tiền đầu kỳ	78.0	104	243	221	297	256
Lưu chuyển tiền thuần	**26.4**	**138**	**-21.8**	**76.1**	**-41.2**	**114**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	104	243	221	297	256	370

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,594**	**2,214**	**17.2%**
Tài sản ngắn hạn	936	876	6.9%
Tiền và tương đương tiền	370	243	52.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	430	365	17.8%
Phải thu ngắn hạn	38.3	135	-71.7%
Hàng tồn kho	79.9	110	-27.6%
Tài sản ngắn hạn khác	18.3	23.0	-20.8%
Tài sản dài hạn	**1,658**	**1,338**	**23.9%**
Phải thu dài hạn	570	586	-2.7%
Tài sản cố định	936	353	165%
Bất động sản đầu tư	54.8	2.00	2634%
Tài sản dở dang	47.7	368	-87.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	17.7	17.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**25.2**	**1.12**	**2154%**
Lợi thế thương mại	6.63	8.84	-25.0%
Nợ phải trả	934	893	4.6%
Nợ ngắn hạn	**456**	**254**	**79.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.40	46.0	-79.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	38.2	10.8	254%
Nợ dài hạn	479	639	-25.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	41.5	43.6	-4.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,660**	**1,321**	**25.7%**
Vốn chủ sở hữu	**1,660**	**1,321**	**25.7%**
Vốn điều lệ	667	575	16.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)